

Số: /BC-STTTT

Bình Phước, ngày tháng năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả đánh giá, xếp hạng mức độ Chuyển đổi số (DTI) trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2023

Căn cứ Quyết định số 1787/QĐ-UBND ngày 28/09/2022 của UBND tỉnh Ban hành quy định Bộ tiêu chí đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số, Trang thông tin điện tử cơ quan nhà nước tỉnh Bình Phước.

Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì tiến hành đánh giá, xếp hạng chỉ số Chuyển đổi số (DTI) trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2023, kết quả cụ thể như sau:

I. TỔNG QUAN VỀ ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG CHỈ SỐ DTI

1. Mục đích

- Việc đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số, Trang thông tin điện tử trong cơ quan nhà nước, qua đó thể hiện được kết quả thực hiện các chương trình, kế hoạch chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước phục vụ việc phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của Thủ trưởng, cán bộ, công chức để đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động, quản lý nhằm tạo tiền đề cho việc xây dựng các cơ quan điển hình, cá nhân tiêu biểu trong việc chuyển đổi số, góp phần cải cách hành chính, đánh giá thi đua khen thưởng trong các cơ

- Kết quả đánh giá giúp các cơ quan, đơn vị nhìn nhận được mức độ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số tại đơn vị mình và so sánh với các cơ quan khác, đặc biệt là khối các huyện, thị, thành phố với nhau; từ đó các đơn vị, địa phương có giải pháp thúc đẩy chuyển đổi số trong hoạt động của đơn vị, địa phương, góp phần đẩy mạnh hiệu quả công tác chuyển đổi số, cải cách hành chính, phục vụ cho người dân, doanh nghiệp tốt hơn.

- Căn cứ kết quả, Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá được hiện trạng thực hiện chuyển đổi số hằng năm tại các cơ quan nhà nước để có cơ sở định hướng, đưa ra các giải pháp nâng cao mức độ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

2. Nội dung và phương pháp đánh giá

a) Nội dung

Nội dung đánh giá mức độ chuyển đổi số thực hiện theo Quyết định số 1787/QĐ-UBND ngày 28/9/2022 của UBND tỉnh về ban hành quy định bộ tiêu chí đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số, trang thông tin điện tử cơ quan nhà nước tỉnh Bình Phước.

b) Phương pháp đánh giá

- Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện việc đánh giá độc lập các chỉ số thành phần có số liệu do các đơn vị cung cấp và theo dõi, giám sát qua hệ thống thông tin; kết quả đánh giá, xếp hạng sẽ được công bố trên Cổng thông tin đánh giá xếp hạng CDS tại địa chỉ <https://dti.binhphuoc.gov.vn>.

- Điểm DTI 2023 cấp tỉnh là tổng điểm của 07 chỉ số chính (với 42 chỉ số thành phần): Nhận thức số, Thẻ chế số, Hạ tầng số, Nhân lực số, An toàn thông tin mạng, Hoạt động chính quyền số, Hoạt động xã hội số.

- Điểm DTI 2023 cấp huyện là tổng điểm của 08 chỉ số chính (với 63 chỉ số thành phần): Nhận thức số, Thẻ chế số, Hạ tầng số, Nhân lực số, An toàn thông tin mạng, Hoạt động chính quyền số, Hoạt động kinh tế số, Hoạt động xã hội số.

II. CÔNG TÁC THAM MƯU, TRIỂN KHAI

1. Công tác tham mưu các văn bản

Thực hiện Quyết định số 1787/QĐ-UBND ngày 28/9/2022 của UBND tỉnh về ban hành quy định bộ tiêu chí đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số, trang thông tin điện tử cơ quan nhà nước tỉnh Bình Phước.

Ngày 14/9/2023, Sở Thông tin và Truyền thông ban hành Công văn số 1250/STTTT-BCVTCNTT về tự đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số, Trang thông tin điện tử cơ quan nhà nước tỉnh Bình Phước năm 2023.

Ngày 06/11/2023, Sở Thông tin và Truyền thông ban hành Công văn số 1559/STTT-BCVTCNTT về đơn đốc đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số, Trang thông tin điện tử cơ quan nhà nước tỉnh Bình Phước năm 2023 (lần 2)

2. Đối tượng đánh giá

Tổng số 39 đơn vị trên địa bàn tỉnh, bao gồm:

- Khối các sở, ban, ngành: 28 đơn vị:

+ 16 sở: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài nguyên Môi Trường, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Sở Văn hóa thể thao và Du lịch, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Ngoại vụ, Sở Lao động thương binh và xã hội, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Y tế, Sở Tư pháp, Sở Công thương, Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo.

+ 11 đơn vị: Văn phòng UBND tỉnh, Thanh tra tỉnh, Ban Dân tộc, Ban quản lý Khu kinh tế, Cục Hải quan, Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Du lịch, Cục Thống kê, UBMTTQVN tỉnh, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh, Đài Phát thanh Truyền hình và Báo Bình Phước, Cục Thuế tỉnh, Liên minh hợp tác xã.

- Khối UBND các huyện, thị xã, thành phố: 11 đơn vị.

3. Việc cung cấp số liệu DTI

- Các cơ quan, đơn vị đã quan tâm báo cáo số liệu theo Bộ tiêu chí đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số cơ quan nhà nước tỉnh Bình Phước về Sở

Thông tin và Truyền thông đầy đủ thời gian.

- Việc thu thập số liệu đánh giá cập nhật trên phần mềm đạt yêu cầu, phần lớn các đơn vị cung cấp đầy đủ số liệu, có chất lượng tương đối tốt, phản ánh đúng hiện trạng ứng dụng và phát triển CNTT của đơn vị mình; số liệu đánh giá được ký số, là số liệu chính thức của các đơn vị. Tuy nhiên số liệu kiểm chứng, đánh giá của các đơn vị cung cấp chưa đầy đủ, do đó việc đối chiếu, chấm điểm, xếp hạng của các đơn vị chưa được cao.

4. Thẩm định số liệu

- Các tiêu chí, chỉ số DTI, đánh giá bám sát các quy định của các văn bản quy phạm pháp luật về ứng dụng công nghệ thông tin và các định hướng, mục tiêu chuyển đổi số tại Nghị quyết 04-NQ/TU, Kế hoạch 312/KH-UBND ngày 13/10/2021 của UBND tỉnh, Kế hoạch 280/KH-UBND ngày 30/9/2022 của UBND tỉnh.

- Trên cơ sở số liệu tự chấm của các cơ quan, đơn vị, Sở Thông tin và Truyền thông tiến hành thẩm định kết quả đánh giá, xếp loại đơn vị trên trang <https://dti.binhphuoc.gov.vn> theo hai khối, tại mỗi khối có xếp hạng chung và xếp hạng theo từng tiêu chí. Việc đánh giá và chấm điểm căn cứ theo tiêu chí mà các cơ quan, đơn vị tự chấm, đồng thời Sở đối chiếu, kiểm tra tính hợp lý về thông tin, số liệu liên quan từ các cơ quan chuyên môn cung cấp. Qua đó, đã xem xét và chấm điểm hiệu chỉnh lại kết quả của các cơ quan, đơn vị.

- Giai đoạn 1: Các đơn vị tự chấm theo các tiêu chí, Tổ giúp việc đánh giá, chấm điểm lần 1 và gửi lại cho các đơn vị xác nhận số liệu và bổ sung tài liệu kiểm chứng (nếu có).

- Giai đoạn 2: Các đơn vị nộp lại số liệu xác nhận và tài liệu kiểm chứng bổ sung. Tổ giúp việc, Hội đồng Thẩm định tiến hành thẩm định kết quả đánh giá, xếp loại các đơn vị.

III. KẾT QUẢ CHỈ SỐ DTI NĂM 2023

1. Đánh giá chung Chỉ số DTI của các sở, ban, ngành tỉnh

a) Đánh giá 07 nhóm chỉ số (Nhận thức số; thể chế số; hạ tầng số; nhân lực số; an toàn, an ninh mạng; hoạt động chính quyền số; hoạt động xã hội số), cụ thể:

- Nhóm đạt mức Tốt 01 đơn vị: Sở Thông tin và Truyền thông,

- Nhóm đạt mức Khá 13 đơn vị: Văn phòng UBND tỉnh, Ban quản lý khu kinh tế, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên Môi Trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Văn hóa thể thao và Du lịch, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Ngoại vụ, Sở Lao động thương binh và xã hội, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Y tế, Sở Tư pháp.

- Nhóm đạt mức Trung bình 07 đơn vị: Sở Công thương, Ban dân tộc, Trung tâm xúc tiến đầu tư và Du lịch, Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo, Thanh tra tỉnh, Sở Tài chính.

- Nhóm đạt mức Yếu 07 đơn vị: UBMTTQVN tỉnh, Cục Hải quan, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh, Đài Phát thanh Truyền hình và Báo Bình Phước, Cục Thống kê, Cục Thuế tỉnh, Liên minh hợp tác xã.

(Kèm theo Phụ lục I. Bảng xếp hạng mức độ chuyển đổi số cấp tỉnh)

b) Việc đánh giá Nhóm các đơn vị có dịch vụ công trực tuyến và Nhóm các đơn vị không có dịch vụ công trực tuyến

- Nhóm các đơn vị có dịch vụ công trực tuyến gồm 17 đơn vị, trong đó có:

+ Xếp hạng Tốt có 03 đơn vị: Sở Thông Tin Truyền Thông, Ban quản lý khu kinh tế, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

+ Xếp hạng Khá có 14 đơn vị: Sở Tài nguyên Môi Trường, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Sở Văn hóa thể thao và Du lịch, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Ngoại vụ, Sở Lao động thương binh và xã hội, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Y tế, Sở Tư pháp, Sở Công thương, Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính.

(Kèm theo Phụ lục II. Bảng xếp hạng mức độ chuyển đổi số năm 2023 đối với các đơn vị có dịch vụ công trực tuyến)

- Nhóm các đơn vị không có dịch vụ công trực tuyến gồm 11 đơn vị, trong đó:

+ Xếp hạng Khá có 01 đơn vị: Văn phòng UBND tỉnh.

+ Xếp hạng Trung bình có 03 đơn vị: Trung tâm xúc tiến đầu tư và Du lịch, Ban dân tộc, Thanh tra tỉnh.

+ Xếp hạng Yếu có 07 đơn vị: UBMTTQVN tỉnh, Cục Hải quan, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh, Đài Phát thanh Truyền hình và Báo Bình Phước, Cục Thuế tỉnh, Cục Thống kê, Liên minh hợp tác xã.

(Kèm theo Phụ lục III. Bảng xếp hạng mức độ chuyển đổi số năm 2023 đối với các đơn vị không có dịch vụ công trực tuyến).

2. Đánh giá chung Chỉ số DTI của UBND các huyện, thị xã, thành phố

Đánh giá 08 nhóm chỉ số (Nhận thức số; thể chế số; hạ tầng số; nhân lực số; an toàn thông tin mạng; hoạt động chính quyền số; hoạt động kinh tế số; hoạt động xã hội số), cụ thể:

- Nhóm đạt mức Tốt 04 đơn vị gồm: Thành phố Đồng Xoài; Thị xã Phước Long, UBND huyện Bù Đốp, UBND huyện Lộc Ninh.

- Nhóm đạt mức Khá 07 đơn vị: Các huyện, thị: Phú Riềng, Bình Long, Bù Đăng, Hớn Quản, Đồng Phú, Bù Gia Mập, Chơn Thành.

(Kèm theo Phụ lục IV. Bảng xếp hạng mức độ chuyển đổi số cấp huyện)

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Qua số liệu và kết quả đánh giá, xếp hạng và sự quan tâm của lãnh đạo

các cơ quan, đơn vị trong chỉ đạo ban hành các kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU. Về cơ bản, mức độ chuyển đổi số trong hoạt động chỉ đạo điều hành, phục vụ người dân và doanh nghiệp của các cơ quan, đơn vị nhà nước trên địa bàn tỉnh tiếp tục được quan tâm triển khai đồng bộ, thể hiện ở mức điểm trung bình tăng mạnh so với năm 2022, cụ thể:

- Về chuyển đổi nhận thức, thể chế số: Qua triển khai đánh giá chỉ số chuyển đổi số các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh, các đơn vị đã quan tâm đến việc xây dựng chính quyền điện tử, hướng tới chính quyền số. Hầu hết các cơ quan đơn vị đã xây dựng được kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số của ngành giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch triển khai năm 2023.

- Về hạ tầng và nền tảng số các năm qua đã được tỉnh chú trọng đầu tư, đặc biệt là các phần mềm, hệ thống dùng chung. Do đó, các cơ quan, đơn vị không có sự chênh lệch chỉ số rõ nét ở nội dung này.

- Về nhân lực số, an toàn thông tin mạng: Các cơ quan, đơn vị đều có công chức, viên chức chuyên trách, kiêm nhiệm về chuyển đổi số, kiêm nhiệm về An toàn thông tin mạng. Hàng năm đều được bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số. Tuy nhiên, tỷ lệ số lượng máy trạm của CQNN cài đặt phòng, chống mã độc rất thấp, ảnh hưởng đến an toàn thông tin của đơn vị.

- Về hoạt động chính quyền số: Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng được nâng cao, số lượng dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần ngày càng tăng. Tỉnh đã triển khai tất cả các thủ tục hành chính, các dịch vụ công của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã và các đơn vị trực thuộc lên Cổng Dịch vụ công của tỉnh.

- Về hoạt động xã hội số: Hiện nay, số lượng cán bộ công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị đều có tài khoản định danh điện tử. 100% số lượng cán bộ công chức, viên chức có tài khoản Cổng DVC quốc gia; Cổng DVC tỉnh. Đồng thời, cán bộ công chức, viên chức, người lao động đều sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử.

- Về hoạt động của Cổng, Trang thông tin điện tử: Việc cập nhật, cung cấp thông tin lên Trang thông tin điện tử được các cơ quan, đơn vị chú ý hơn, số lượng tin bài ngày càng tăng, các văn bản điều hành, văn bản quy phạm pháp luật mới được cập nhật thường xuyên hơn, thể hiện sự minh bạch thông tin ngày càng tốt hơn. Tuy nhiên, việc cung cấp không đầy đủ các thông tin cơ cấu tổ chức, quy hoạch, dự án, hạng mục đầu tư, số liệu thống kê, khen thưởng, xử phạt... Đa số thông tin về số liệu thống kê chỉ ở dạng thông tin tổng hợp trong các báo cáo tổng hợp về kinh tế, xã hội hay các báo cáo quản lý chuyên ngành; thông tin về cơ chế chính sách chủ yếu đăng tải dưới dạng nêu sự kiện, chưa tổ chức thành chuyên mục dễ tiếp cận.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở kết quả đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số và Trang thông tin điện tử năm 2023, đề nghị sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố tiếp tục quan tâm đẩy mạnh ứng dụng CNTT hướng tới xây dựng

chính quyền số, cụ thể là:

- Bám sát các chỉ tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết 04-NQ/TU, Kế hoạch 312/KH-UBND để triển khai thực hiện kế hoạch chuyển đổi số tại đơn vị;

- Tăng cường khai thác và sử dụng có hiệu quả các ứng dụng CNTT đã được đầu tư phù hợp với Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bình Phước;

- Tăng cường triển khai khác nền tảng dùng chung của tỉnh, quốc gia; nâng mức độ sử dụng các nền tảng số của người dân, doanh nghiệp;

- Tăng cường việc triển khai số hóa hồ sơ TTHC, Kết quả TTHC các cấp;

- Đẩy mạnh việc triển khai cấp Chữ ký số, tài khoản thanh toán trực tuyến, tài khoản dịch vụ công trực tuyến, tài khoản định danh điện tử, phần mềm bảo vệ an toàn thông tin cho người dân;

- Triển khai tuyên truyền, tập huấn kỹ năng số cho người dân; triển khai xóa lốt sóng di động; nâng cao tỷ lệ sử dụng điện thoại thông minh của người dân;

- Chủ động bố trí kinh phí triển khai: tập huấn kỹ năng số cho người dân; nâng cấp hạ tầng CNTT, mạng internet phục vụ triển khai các ứng dụng CNTT tiến tới xây dựng Chính quyền số;

- Tăng cường đảm bảo an toàn an ninh thông tin tại cơ quan, đơn vị.

- Quan tâm đào tạo nâng cao trình độ CNTT cho đội ngũ cán bộ công chức, viên chức, cán bộ chuyên trách CNTT tại đơn vị. Thường xuyên tổ chức tuyên truyền, phổ cập chuyển đổi số cho người dân và doanh nghiệp.

- Đề tạo động lực việc triển khai chuyển đổi số trong các cơ quan, đơn vị, Sở Thông tin và Truyền thông đề nghị UBND tỉnh khen thưởng đối với các đơn vị có chỉ số chuyển đổi số năm 2023 đạt thành tích cao, cụ thể:

+ Chuyển đổi số cấp tỉnh: Văn phòng UBND tỉnh, Ban Quản lý Khu Kinh tế, Sở Thông tin và Truyền thông.

+ Chuyển đổi số cấp huyện: UBND Thành phố Đồng Xoài, UBND thị xã Phước Long, UBND huyện Bù Đốp, UBND huyện Lộc Ninh.

Trên đây là báo cáo kết quả đánh giá, xếp hạng mức độ Chuyển đổi số (DTI) trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2023./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để b/c);
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

PHỤ LỤC I
BẢNG XẾP HẠNG CHUNG VỀ CHUYÊN ĐỔI SỐ CẤP TỈNH NĂM 2023
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-STTTT ngày / /2023 của Sở Thông tin và Truyền thông)

STT	Đơn vị	Nhận thức số	Thế chế số	Hạ tầng số	Nhân lực số	ATTT mạng	Hoạt động chính quyền số	Hoạt động xã hội số	Trang thông tin điện tử	Tổng điểm năm 2023	Xếp hạng 2023	Xếp hạng 2022
	Điểm tối đa	50	70	60	40	50	200	30	100	600		
1	Sở Thông Tin Truyền Thông	50	70	51.42	40	44	180	30	98	483.42	Tốt	Tốt
2	Văn phòng UBND tỉnh	50	40	51.42	40	29.54	68.8	30	98	407.76	Khá	Tốt
3	Ban quản lý khu kinh tế	50	70	31.42	40	25.76	138.67	30	98	403.85	Khá	Khá
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư	50	70	51.42	24.2	20	144.67	30	90	400.27	Khá	Tốt
5	Sở Tài nguyên Môi Trường	50	55	51.42	35.2	27.8	129.1	30	95	393.52	Khá	TB
6	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	42.5	65	51.42	21.2	24.38	146.77	30	91	392.31	Khá	Khá
7	Sở Văn hóa thể thao và Du lịch	50	50	51.42	40	15.38	134.02	30	95	385.82	Khá	Khá
8	Sở Xây dựng	50	70	51.42	22.1	22.95	129.57	30	88	384	Khá	Khá
9	Sở Giao thông vận tải	50	70	38.08	40	40.89	102.43	30	89	380.4	Khá	Khá
10	Sở Ngoại vụ	50	70	31.42	40	26.88	115.12	30	96	379.42	Khá	Khá
11	Sở Lao động thương binh và xã hội	42.5	70	38.08	39.2	10.42	134.2	30	94	378.38	Khá	Khá
12	Sở Khoa học và Công nghệ	42.5	45	51.42	26	42.33	133.79	30	80	371.04	Khá	Khá
13	Sở Y tế	50	45	51.42	40	28.79	115.95	30	81	362.16	Khá	Khá
14	Sở Tư pháp	45	65	38.08	25.7	15.33	125.34	30	94	358.41	Khá	TB
15	Sở Công thương	50	40	51.42	28.6	27.27	118.87	30	88	354.2	TB	TB
16	Ban dân tộc	32.5	45	42.68	40	20	32.94	30	100	343.12	TB	Khá
17	Trung tâm xúc tiến đầu tư và Du lịch	42.5	60	25.72	22.5	26	38.58	30	96	341.3	TB	Khá
18	Sở Nội vụ	42.5	45	33.08	25	21.18	128.51	30	94	339.27	TB	Khá

19	Sở Giáo dục và Đào tạo	40	45	31.42	40	20.59	126.98	30	75	328.99	TB	Khá
20	Thanh tra tỉnh	42.5	45	31.42	20.7	20	42.55	30	86	318.19	TB	Khá
21	Sở Tài chính	40	30	51.42	40	20	107.37	30	67	305.79	TB	TB
22	UBMTTQVN tỉnh	42.5	45	25.72	10	15.5	38	30	81	287.72	Yếu	**
23	Cục Hải quan	22.5	60	2.86	20	30.11	19.29	30	89	273.76	Yếu	TB
24	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	22.5	45	5.72	20	20.59	40.76	30	88	272.57	Yếu	**
25	Đài Phát thanh Truyền hình	50	25	5.72	12.4	10	39.84	21.18	97	261.1	Yếu	**
26	Cục Thống kê	2.5	0	25.72	20	10	38	30	88	214.22	Yếu	TB
27	Cục Thuế tỉnh	0	0	20	20	10	48	30	84	212	Yếu	**
28	Liên minh hợp tác xã	22.5	0	5.72	20	10	46.75	20	77	201.97	Yếu	**

**** Năm 2022 không xếp hạng**

PHỤ LỤC II
BẢNG XẾP HẠNG CHUNG VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2023 ĐỐI VỚI CÁC ĐƠN VỊ
CÓ DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN

Kèm theo Báo cáo số: /BC-STTTT ngày / /2023 của Sở Thông tin và Truyền thông

STT	Đơn vị	Nhận thức số	Thế chế số	Hạ tầng số	Nhân lực số	ATTT mạng	Hoạt động chính quyền số	Hoạt động xã hội số	Trang thông tin điện tử	Tổng điểm năm 2023	Nhóm mức độ chuyển đổi số
	Điểm tối đa	50	70	60	40	50	200	30	100	600	
1	Sở Thông tin và Truyền thông	50	70	51.42	40	44	180	30	98	563.42	Tốt
2	Ban Quản lý Khu kinh tế	50	70	31.42	40	25.76	138.67	30	98	483.85	Tốt
3	Sở Kế hoạch và Đầu tư	50	70	51.42	24.18	20	144.67	30	90	480.27	Tốt
4	Sở Tài nguyên và Môi trường	50	55	51.42	35.2	27.8	129.1	30	95	473.52	Khá
5	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	42.5	65	51.42	21.24	24.38	146.77	30	91	472.31	Khá
6	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	50	50	51.42	40	15.38	134.02	30	95	465.82	Khá
7	Sở Xây dựng	50	70	51.42	22.06	22.95	129.57	30	88	464	Khá
8	Sở Giao thông Vận tải	50	70	38.08	40	40.89	102.43	30	89	460.4	Khá
9	Sở Ngoại vụ	50	70	31.42	40	26.88	115.12	30	96	459.42	Khá
10	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	42.5	70	38.08	39.18	10.42	134.2	30	94	458.38	Khá
11	Sở Khoa học và Công nghệ	42.5	45	51.42	26	42.33	133.79	30	80	451.04	Khá
12	Sở Y tế	50	45	51.42	40	28.79	115.95	30	81	442.16	Khá
13	Sở Tư pháp	45	65	38.08	25.66	15.33	125.34	30	94	438.41	Khá

14	Sở Công thương	50	40	51.42	28.64	27.27	118.87	30	88	434.2	Khá
15	Sở Nội vụ	42.5	45	33.08	25	21.18	128.51	30	94	419.27	Khá
16	Sở Giáo dục và Đào tạo	40	45	31.42	40	20.59	126.98	30	75	408.99	Khá
17	Sở Tài chính	40	30	51.42	40	20	107.37	30	67	385.79	Khá

PHỤ LỤC III
BẢNG XẾP HẠNG CHUNG VỀ CHUYÊN ĐỔI SỐ NĂM 2023 ĐỐI VỚI CÁC ĐƠN VỊ
KHÔNG CÓ DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN

STT	Đơn vị	Nhận thức số	Thế chế số	Hạ tầng số	Nhân lực số	ATTT mạng	Hoạt động chính quyền số	Hoạt động xã hội số	Trang thông tin điện tử	Tổng điểm năm 2023	Nhóm mức độ
		50	70	60	40	50	200	30	100	600	
1	Văn phòng UBND tỉnh	50	40	51.42	40	29.54	68.8	30	98	407.76	Khá
2	Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Du lịch	42.5	60	25.72	22.5	26	38.58	30	96	341.3	TB
3	Ban dân tộc	32.5	45	42.68	40	20	32.94	30	100	343.12	TB
4	Thanh tra tỉnh	42.5	45	31.42	20.72	20	42.55	30	86	318.19	TB
5	UBMTTQVN tỉnh	42.5	45	25.72	10	15.5	38	30	81	287.72	Yếu
6	Cục Hải quan	22.5	60	2.86	20	30.11	19.29	30	89	273.76	Yếu
7	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	22.5	45	5.72	20	20.59	40.76	30	88	272.57	Yếu
8	Đài Phát thanh Truyền hình và Báo BP	50	25	5.72	12.36	10	39.84	21.18	97	261.1	Yếu
9	Cục Thuế tỉnh	0	0	20	20	10	48	30	84	212	Yếu
10	Cục Thống kê	2.5	0	25.72	20	10	38	30	88	214.22	Yếu
11	Liên minh Hợp tác xã	22.5	0	5.72	20	10	46.75	20	77	201.97	Yếu

PHỤ LỤC IV
BẢNG XẾP HẠNG CHUNG VỀ CHUYÊN ĐỔI SỐ CẤP HUYỆN NĂM 203
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-STTTT ngày / /2023 của Sở Thông tin và Truyền thông)

STT	Đơn vị	Nhận thức số	Thế chế số	Hạ tầng số	Nhân lực số	An toàn thông tin mạng	Hoạt động chính quyền số	Hoạt động kinh tế số	Hoạt động xã hội số	Trang thông tin điện tử	Tổng điểm năm 2023	Xếp hạng năm 2023	Xếp hạng năm 2022
		60	30	60	65	45	150	100	90	100			
1	UBND thành phố Đồng Xoài	60	30	52.47	55	30	103.33	70	30.32	100	531.12	Tốt	Khá
2	UBND thị xã Phước Long	52.5	25	53.58	65	25.93	82.27	70	46.68	91	511.96	Tốt	Khá
3	UBND huyện Bù Đốp	60	30	51.9	63.42	34.19	66.95	61.36	49.51	88	505.33	Tốt	TB
4	UBND huyện Lộc Ninh	42.5	30	52.9	55	29.9	78.57	70.02	50.16	89	498.05	Tốt	TB
5	UBND huyện Đồng Phú	48.86	25	51.32	55	26.5	84.77	80	26.53	85	482.98	Khá	TB
6	UBND huyện Phú Riềng	57	30	39.28	47.68	29.01	77.25	60.62	50	91	481.84	Khá	TB
7	UBND thị xã Bình Long	60	30	53.25	55	23.93	87.43	50.87	25.88	86	472.36	Khá	TB
8	UBND huyện Bù Gia Mập	55	30	54.28	45	24.81	76.17	80	20.28	90	475.54	Khá	TB
9	UBND Thị xã Chơn Thành	53.56	30	41.26	55	30	74.79	70.86	26.93	90	472.4	Khá	TB
10	UBND huyện Bù Đăng	39.38	25	37.25	62.85	20.88	115.12	50.64	24.61	83	458.73	Khá	TB
11	UBND huyện Hớn Quản	57.5	30	41.17	55	23.65	78.89	60.76	24.42	91	462.39	Khá	TB